TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 285/2024/HS-PT
Ngày 23 – 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 38/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Thành T.

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Vũ Thành T, sinh năm 1987 tại Nam Định; Giấy chứng minh nhân dân số: 271989901, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 11-6-2020; nơi đăng ký thường trú: Số H, Khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trung T1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 28-11-2022 theo Lệnh truy nã số: 10/QĐTN của Cơ quan Cảnh sát điều tra, chuyển tạm giam từ ngày 01-12-2022 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Vũ Thành T: Luật sư Đỗ Hải B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: D, Tổ F, Khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Số A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7-2020, Vũ Thành T thông qua sự giới thiệu của một người tên T2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có liên hệ anh Đặng Văn Q để thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 61A – 542.58 để tự lái trong thời gian 10 ngày. Khoảng 13 giờ ngày 15-7-2020, cả 03 người hẹn gặp nhau tại quán cà phê "Highlands" thuộc khuôn viên siêu thị B2 (Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Tại đây, T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nói trên và anh Quảng giữ lại của T 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng C (tất cả mang tên Vũ Thành T); anh Q giao xe ô tô 61A – 542.58 kèm theo giấy đăng kiểm và giấy chứng nhận đăng kí xe (bản photo). 10 ngày sau, Trung chuyển khoản cho anh Q số tiền 15.000.000 đồng tiền thuê xe. Từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2020, T tiếp tục thuê chiếc xe trên thêm 02 tháng với số tiền 25.000.000 đồng/tháng, những lần thuê xe này hai bên không kí hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận qua điện thoại.

Trong thời gian này, T nảy sinh ý định đem xe của anh Q đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nên lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe Innova 61A-542.58 và giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Đặng Văn Q với tổng cộng chi phí là 1.500.000 đồng. T tiếp tục chuyển khoản cho anh Q số tiền 15.000.000 đồng để trì hoãn việc trả xe. Đến đầu tháng 8-2020, T thuê B1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000 đồng đi cùng T đến gặp ông Nguyễn Quang C để cầm cố chiếc xe Innova 61A-542.58. Trước khi đến nhà ông C, T có căn dặn Biển rằng phải tự xưng là anh Q và là chủ của chiếc xe Innova 61A-542.58. Khi đến nhà ông C, T giới thiệu Biển chính là anh Q và là chủ nhân chiếc xe Innova 61A-542.58 muốn cầm cố chiếc xe để lấy số tiền 250.000.000 đồng. T đưa cho ông C xem giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q mà T đã làm giả trước đó để ông C tin và giao tiền cho Q và T. Do trước đó T có nợ ông C 100.000.000 đồng nên ông C chỉ đưa cho B1 và T số tiền 150.000.000 đồng, T còn viết 01 giấy mượn tiền có chữ ký và điểm chỉ của T và B1. T đã sử dụng hết số tiền ông C đưa vào việc tiêu xài cá nhân. Trong thời gian này, T tiếp tục hẹn gặp và đưa cho anh Q số tiền 20.000.000 đồng để trì hoãn việc trả xe. Đến cuối tháng 9-2020, anh Q gọi điện thoại yêu cầu T trả xe thì T hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả, anh Q nhiều lần gọi điện thoại cho T nhưng không được. Sau đó, T cắt liên lạc với anh Q rồi bỏ trốn. Đến ngày 28-11-2022, T bị bắt theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thành T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

2. Vật chứng:

- Xe ô tô biển số 61A-542.58 đã tiến hành trả lại cho người bị hại là anh Đặng Văn Q.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 271989901 mang tên Vũ Thành T; 01 Giấy phép lái xe số 750108000717 mang tên Vũ Thành T;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ghi số 083498, ghi cấp ngày 15/11/2018, có hình dấu mộc đỏ ghi Công an tỉnh B, có chữ ký và mộc tên Thượng tá Nguyễn Thành C1, ghi tên chủ xe là Đặng Văn Q.

- 01 giấy mượn tiền đề ngày 01-8-2020.

3. Giám định:

3.1. Kết luận giám định số: 718/KLGĐ-PC09 ngày 05-5-2021 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Điểm chỉ vân tay mang tên Đặng Văn Q tại phần mục Người mượn trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với các điểm chỉ vân tay trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người in ra;

- Chữ ký và chữ viết mang tên Đặng Văn Q trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết mang tên Đặng Văn Q trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) không phải do cùng một người ký và viết ra.

3.2. Kết luận giám định số 1129/KLGĐ-PC09 ngày 21/6/2021 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG, CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG, CH XHCN VIỆT NAM trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký mang tên Thượng tá: Nguyễn Thành C1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên: Thượng tá Nguyễn Thành C1 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra.

3.3. Kết luận giám định số: 2261/KLGĐ-PC09 ngày 17/12/2021 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận: 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thành T là thật.

3.4. Kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND thành phố B kết luận: Chiếc xe ô tô biển số: 61A-542.58 có giá: 525.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 292, 298, 329 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 175; khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thành T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Vũ Thành T 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

2. Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục tạm giam bị cáo Vũ Thành T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 5/12/2023, bị cáo Vũ Thành T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 8/12/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyết định kháng nghị số 6575/KN-VKS-P2 ngày 08/12/2023, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm về phần tội danh đối với bị cáo Vũ Thành T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Vũ Thành T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" để xét xử lại ở cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngày 29/12/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 02/QĐ/VC3-V1 ngày 29/12/2023, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, bỏ lọt hành vi phạm tội. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm để xét xử lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Bị cáo Vũ Thành T không có ý kiến tranh luận nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các tình tiết của vụ án và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại

Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định tại các Điều 333, 336, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thành T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án của Bản án sơ thẩm. Do đó có đủ căn cứ khẳng định:

Sau khi thuê được xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 61A – 542.58 để tự lái của anh Đặng Văn Q vào tháng 7-2020 với giá 15.000.000 đồng/10 ngày, sau đó gia hạn thêm 02 tháng với số tiền 25.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian này, T nảy sinh ý định đem xe của anh Q đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nên lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe Innova 61A-542.58 và giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Đặng Văn Q với tổng cộng chi phí là 1.500.000 đồng. Đến đầu tháng 8-2020, T thuê B1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000 đồng đi cùng T đến gặp ông Nguyễn Quang C để cầm cố chiếc xe Innova 61A-542.58. Trước khi đến nhà ông C, T có căn dặn Biển rằng phải tự xưng là anh Q và là chủ của chiếc xe Innova 61A-542.58. Khi đến nhà ông C, T giới thiệu Biển chính là anh Q và là chủ nhân chiếc xe Innova 61A-542.58 muốn cầm cố chiếc xe để lấy số tiền 250.000.000 đồng. T đưa cho ông C xem giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Đặng Văn Q mà T đã làm giả trước đó để ông C tin và giao tiền cho Q (Biển) và T. T đã chiếm đoạt số tiền nêu trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô Toyota Innova biển số 61A – 542.58 bị cáo Vũ Thành T đã lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe Innova 61A-542.58 và giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Đặng Văn Q với tổng chi phí là 1.500.000 đồng. T tiếp tục chuyển khoản cho anh Q số tiền 15.000.000 đồng để che dấu hành vi phạm tội của mình. Sau khi cầm cố chiếc xe trên cho ông Nguyễn Quang C với giá 250.000.000 đồng, bị cáo hoàn toàn không có ý định trả lại xe cho anh Đặng Văn Q thể hiện thông qua hành vi, đó là sau khi nhận được tiền từ anh Q, bị cáo Vũ Thành T tiếp tục hẹn gặp và đưa cho anh Q số tiền 20.000.000 đồng để trì hoãn việc trả xe. Đến cuối tháng 9-2020, anh Q gọi điện thoại yêu cầu T trả xe thì T hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả, sau đó cắt liên lạc với anh Q rồi bỏ trốn.

Như vậy, bị cáo Vũ Thành T đã lạm dụng tín nhiệm thông qua hình thức thuê tài sản của người khác rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe. Thời điểm "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" hoàn thành là thời điểm bị cáo trì hoãn việc trả lại xe và đặt làm giấy tờ giả để chiếm đoạt. Do đó xác định chủ xe ô tô Toyota Innova biển số 61A – 542.58 Đặng Văn Q là bị hại là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, theo đó "Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra".

Đối với ông Nguyễn Quang C là người cầm đồ, bị cáo đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe Innova 61A-542.58 và giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Đặng Văn Q, gắn ảnh thật của B1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch, được T thuê với giá 1.000.000 đồng) khiến ông C nhầm lẫn, tưởng là người thật, giấy tờ thật nên đã nhận xe và giao tiền cho bị cáo 250.000.000 đồng.

Như vậy, ông Nguyễn Quang C cũng bị lừa dối trong quan hệ dịch vụ: nhận vật-đưa tiền, song không xác định ông C là người bị hại như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mà xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp. Anh C trao tiền cho bị cáo, song lại nhận xe ô tô với giá trị cao hơn, thể hiện sự trao đổi về tài sản.

Tòa cấp sơ thẩm xác định chủ hiệu cầm đồ là người bị hại và bị cáo thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của anh C là không chính xác. Vì trước hết bị cáo nhằm vào chủ xe ô tô và phải chiếm đoạt được xe ô tô sau đó mới có điều kiện dùng xe làm phương tiện để trao đổi lấy tiền của chủ hiệu cầm đồ. Do không xác định chủ hiệu cầm đồ là bị hại như phân tích ở trên nên bị cáo cũng không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên để được ông Nguyễn Quang C tin tưởng nhận vật-đưa tiền là do bị cáo đã đặt làm giấy tờ giả để lừa dối ông C. Vì thế, hành vi của bị cáo phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tòa sơ thẩm cho rằng để chiếm đoạt được số tiền 250.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang C thì hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời cho rằng hành vi này của bị cáo T thuộc trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì bị truy cứu trách nhiệm về tội nặng hơn nên tội "Sử dụng tài liệu, con dấu giả của cơ quan, tổ chức" bị thu hút vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là sai lầm trong áp dụng pháp luật và vi phạm giới hạn của việc xét xử được quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đó là "Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.." và "Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố". Theo đó Tòa án có thể xét xử về một tội khác nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên phải cùng một hành vi đã được truy tố. Trong vụ án này Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo Vũ Thành T đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức. Do đó nếu Tòa sơ thẩm cho rằng bỏ lọt hành vi chiếm đoạt tài sản khi có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố thì Tòa án cũng chỉ có quyền kiến nghị theo quy định mà không được quyền xét xử.

Cáo trạng số 42/CT-VKS-P3 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai mô tả thủ đoạn của bị cáo Vũ Thành T: để được ông Nguyễn Quang C tin tưởng giao tiền thì bị cáo Vũ Thành T đã thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả, sau đó nhận tiền

và chiếm đoạt của anh C. Như vậy bị cáo Vũ Thành T đã thực hiện hai hành vi và mỗi hành vi xâm phạm khách thể khác nhau. Đó là xâm phạm trật tư quản lý hành chính của nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý về con dấu, tài liệu và quan hệ sở hữu. Do đó việc Tòa sơ thẩm nhận định tội "Sử dụng tài liệu, con dấu giả của cơ quan, tổ chức" được thu hút vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là bỏ lọt hành vi phạm tội và có sai lầm trong áp dụng pháp luật, vi phạm giới hạn của việc xét xử.

Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng số 42/CT-VKS-P3 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội danh là có căn cứ, nhưng lập luận trong quyết định kháng nghị số 6575/KN-VKS-P2 ngày 08/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng bị cáo dùng thủ đoạn gian dối (sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân giả) là yếu tố định tội của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là không phù hợp. Còn Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 02/QĐ/VC3-V1 ngày 29/12/2023 xác định hành vi chủ động thuê người làm giấy tờ giả và sử dụng giấy tờ giả mà bị cáo thực hiện có dấu hiệu cấu thành một tội danh độc lập theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự nhưng cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không tiến hành, điều tra, truy tố, xét xử nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại cũng không đúng vì cấp sơ thẩm đã truy tố bị cáo về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và một phần đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T.

Hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại do có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận và Bản án sơ thẩm bị hủy nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và một phần đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thành T.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm lại.

Tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến khi Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý lại vụ án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Thành T không phải chịu.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai Minh;
- Trại tạm giam tỉnh Đồng Nai (2);
(Để t/đ cho bị cáo);
- Bị hại (2);
- Lưu VT (6), HS (2) T.17 (BA 36).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Long